

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ  
LONG GIANG**

## **MỤC LỤC**

|   | <b>Trang</b> |
|---|--------------|
| 1. Mục lục  | 1            |
| 2. Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị   | 2 - 4        |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ  | 5 - 6        |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ<br>tại ngày 30 tháng 6 năm 2018   | 7 - 10       |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ<br>6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 11           |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ<br>6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018           | 12 - 13      |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ<br>6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018    | 14 - 54      |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101184201, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 10 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh thay đổi danh sách cổ đông sáng lập, địa chỉ công ty, bổ sung vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh, trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10 ngày 09 tháng 7 năm 2018.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại : 02437 950 595/96/97/98/99
- Fax : 02437 950 099

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị  | Địa chỉ   |
|---|---|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang                                | Số nhà 35/11, đường Trần Đình Xu, phường Cầu Kho, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh                     |
| Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang tại Thành phố Cần Thơ | Lô C, Trần Quang Khải, Khu dân cư phường Cái Khế, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ |

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh nhà và bất động sản; kinh doanh hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị và khu công nghiệp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: kinh doanh sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản (chỉ hoạt động theo chứng chỉ hành nghề của người đại diện theo pháp luật); Dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu ô tô các loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu dây chuyền công nghệ máy, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vận tải; Kinh doanh máy móc thiết bị và vật tư ngành xây dựng;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: khai thác, sản xuất, chế biến vật liệu xây dựng (cát, đá, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường và các vật liệu xây dựng khác dùng trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất), các cấu kiện bê tông đúc sẵn, kết cấu thép;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong ngành xây dựng. Chi tiết: kinh doanh vật liệu xây dựng (cát, đá, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường và các vật liệu xây dựng khác dùng trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất), các cấu kiện bê tông đúc sẵn, kết cấu thép;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: tư vấn thiết kế kiến trúc công trình; tư vấn giám sát thi công xây dựng: công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn quản lý dự án trong lĩnh vực xây dựng; tư vấn xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình);

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, chứng khoán); Tư vấn đầu tư tài chính (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh các dịch vụ khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh các dịch vụ nhà hàng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị và khu công nghiệp; Xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, xây dựng các công trình giao thông;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

| Họ và tên             | Chức vụ  | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|----------|---------------------------------------|
| Ông Lê Hà Giang       | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017 |
| Ông Mai Thanh Phương  | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017     |
| Ông Nguyễn Toàn Thắng | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017     |
| Ông Nguyễn Đình Thanh | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017     |
| Ông Hồ Hồng Hà        | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2018     |

### Ban kiểm soát

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm          |
|----------------------|------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn Ngọc Hưng | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017 |
| Bà Lưu Thị Thanh Nga | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017 |
| Bà Hồ Kim Vân        | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017 |

### Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên              | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm           |
|------------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Hồ Hồng Hà         | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017  |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hà | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 01 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Mạnh Hà     | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2015  |

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Hà Giang - Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017).

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**  
**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

**Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

  
  
**Lê Hà Giang**

Ngày 28 tháng 08 năm 2018

Số: 2.0576/18/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2018, từ trang 07 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**  
*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1*

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>2.249.304.335.089</b> | <b>1.901.725.464.335</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>106.471.064.726</b>   | <b>96.387.380.638</b>    |
| 1. Tiền   | 111        |             | 30.871.064.726           | 40.524.674.513           |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 75.600.000.000           | 55.862.706.125           |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>4.640.508.200</b>     | <b>5.940.565.400</b>     |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        | V.2a        | 4.641.425.325            | 5.941.425.325            |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        | V.2a        | (917.125)                | (859.925)                |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                        | -                        |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>575.184.239.362</b>   | <b>312.367.583.720</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 431.104.003.520          | 216.662.635.696          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 38.806.451.955           | 71.771.725.076           |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        | V.5         | 25.554.387.140           | 21.004.387.140           |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.6a        | 124.749.417.363          | 47.958.856.424           |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.7         | (45.030.020.616)         | (45.030.020.616)         |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                        | -                        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>1.542.805.218.982</b> | <b>1.449.373.663.433</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.8         | 1.542.805.218.982        | 1.449.373.663.433        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                        | -                        |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>20.203.303.819</b>    | <b>37.656.271.144</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |             | -                        | -                        |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 20.203.303.819           | 37.656.271.144           |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                        | -                        |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                        | -                        |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                        | -                        |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

| <b>TÀI SẢN</b>                                  | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>Số cuối kỳ</b>        | <b>Số đầu năm</b>        |
|---|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b>   |                    | <b>390.367.221.544</b>   | <b>332.868.302.714</b>   |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b>   |                    | <b>68.563.813.501</b>    | <b>68.530.205.501</b>    |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211          |                    | -                        | -                        |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212          |                    | -                        | -                        |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213          |                    | -                        | -                        |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214          |                    | -                        | -                        |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215          |                    | -                        | -                        |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216          | V.6b               | 68.563.813.501           | 68.530.205.501           |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219          |                    | -                        | -                        |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b>   |                    | <b>25.706.673.315</b>    | <b>30.073.146.811</b>    |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221          | V.10               | 3.725.434.912            | 5.815.956.760            |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222          |                    | 8.012.103.698            | 24.722.330.406           |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223          |                    | (4.286.668.786)          | (18.906.373.646)         |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224          | V.11               | 21.874.571.743           | 24.134.523.385           |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225          |                    | 34.891.962.596           | 34.891.962.596           |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226          |                    | (13.017.390.853)         | (10.757.439.211)         |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227          | V.12               | 106.666.660              | 122.666.666              |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228          |                    | 160.000.000              | 160.000.000              |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229          |                    | (53.333.340)             | (37.333.334)             |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b>   | <b>V.13</b>        | <b>97.086.872</b>        | <b>-</b>                 |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 231          |                    | 2.577.018.894            | -                        |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 232          |                    | (2.479.932.022)          | -                        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b>   | <b>V.14</b>        | <b>42.619.632.362</b>    | <b>42.608.632.362</b>    |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241          |                    | -                        | -                        |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242          |                    | 42.619.632.362           | 42.608.632.362           |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b>   |                    | <b>104.702.420.465</b>   | <b>126.318.201.836</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251          |                    | -                        | -                        |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252          | V.2b               | 63.436.729.861           | 85.052.511.232           |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253          | V.2c               | 42.758.783.500           | 42.758.783.500           |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254          | V.2c               | (1.493.092.896)          | (1.493.092.896)          |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255          |                    | -                        | -                        |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b>   |                    | <b>148.677.595.029</b>   | <b>65.338.116.204</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261          | V.9                | 21.709.344.997           | 16.530.919.790           |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262          |                    | 917.576.334              | 917.576.334              |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263          |                    | -                        | -                        |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268          |                    | -                        | -                        |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269          | V.15               | 126.050.673.698          | 47.889.620.080           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b>   |                    | <b>2.639.671.556.633</b> | <b>2.234.593.767.049</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
|   |            |             |                          |                          |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>1.978.591.542.866</b> | <b>1.704.764.776.539</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>1.413.994.781.171</b> | <b>1.194.165.758.142</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.16        | 115.748.897.972          | 193.737.231.278          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.17        | 499.827.423.681          | 340.579.429.710          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.18        | 15.160.449.129           | 177.963.306.441          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 2.925.009.638            | 926.164.824              |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.19        | 24.490.611.412           | 29.865.408.536           |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                        | -                        |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                        | -                        |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | 230.036.366              | -                        |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.20a       | 80.960.624.416           | 80.727.271.887           |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.21a       | 666.104.998.314          | 369.644.593.264          |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                        | -                        |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.22        | 8.546.730.243            | 722.352.202              |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                        | -                        |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>564.596.761.695</b>   | <b>510.599.018.397</b>   |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                        | -                        |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                        | -                        |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                        | -                        |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                        | -                        |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.20b       | 258.987.145.786          | 189.846.749.971          |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.21b       | 302.680.272.706          | 317.822.925.223          |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                        | -                        |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                        | -                        |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | 2.929.343.203            | 2.929.343.203            |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                        | -                        |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                        | -                        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>661.080.013.767</b>   | <b>529.828.990.510</b>   |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> |             | <b>661.080.013.767</b>   | <b>529.828.990.510</b>   |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        | V.23        | 500.000.000.000          | 345.966.840.000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 500.000.000.000          | 345.966.840.000          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                        | -                        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        | V.23        | 1.458.992.965            | 46.582.114.165           |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                        | -                        |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                        | -                        |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        | V.23        | (43.500.000)             | (43.500.000)             |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                        | -                        |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                        | -                        |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        | V.23        | 23.157.102.783           | 13.637.461.984           |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                        | -                        |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        | V.23        | 11.311.225.290           | 6.424.999.651            |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        | V.23        | 84.210.537.091           | 104.162.269.206          |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | 55.487.958.664           | 104.162.269.206          |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 28.722.578.427           | -                        |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                        | -                        |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát             | 429        | V.24        | 40.985.655.638           | 13.098.805.504           |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | -                        | -                        |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                        | -                        |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>2.639.671.556.633</b> | <b>2.234.593.767.049</b> |

Người lập biểu

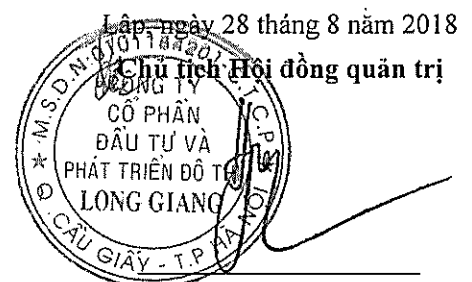


Đặng Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Sinh



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU  | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|---|-------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
|   |       |             | Năm nay                           | Năm trước            |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ             | 1     | VI.1        | 451.099.308.763                   | 103.032.681.251      |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                       | 2     |             | -                                 | -                    |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ    | 10    |             | 451.099.308.763                   | 103.032.681.251      |
| 4. Giá vốn hàng bán                                   | 11    | VI.2        | 368.627.573.981                   | 88.329.750.627       |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ      | 20    |             | 82.471.734.782                    | 14.702.930.624       |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                      | 21    | VI.3        | 1.880.634.274                     | 842.948.931          |
| 7. Chi phí tài chính                                  | 22    | VI.4        | 34.509.034.036                    | 1.463.680.341        |
| Trong đó: chi phí lãi vay                             | 23    |             | 13.068.581.021                    | 3.377.501.615        |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kế | 24    | V.2b        | (243.188.254)                     | (6.113.293)          |
| 9. Chi phí bán hàng                                   | 25    |             | 331.857.979                       | -                    |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                      | 26    | VI.5        | 4.549.016.462                     | 4.879.952.368        |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh           | 30    |             | 44.719.272.325                    | 9.196.133.553        |
| 12. Thu nhập khác                                     | 31    | VI.6        | 4.066.755.670                     | -                    |
| 13. Chi phí khác                                      | 32    | VI.7        | 5.861.707.652                     | 209.168.565          |
| 14. Lợi nhuận khác                                    | 40    |             | (1.794.951.982)                   | (209.168.565)        |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                 | 50    |             | 42.924.320.343                    | 8.986.964.988        |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành      | 51    |             | 14.227.017.817                    | 1.057.414.879        |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại       | 52    |             | -                                 | (520.101.681)        |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp          | 60    |             | <u>28.697.302.526</u>             | <u>8.449.651.790</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                 | 61    |             | <u>28.722.578.427</u>             | <u>7.073.217.140</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát    | 62    |             | <u>(25.275.901)</u>               | <u>1.376.434.650</u> |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                          | 70    | VI.8        | <u>685</u>                        | <u>148</u>           |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                        | 71    | VI.8        | <u>685</u>                        | <u>148</u>           |

Người lập biểu

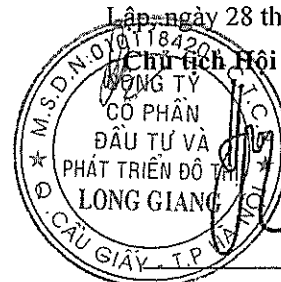
Đặng Thị Loan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Sinh

Lập ngày 28 tháng 8 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Hà Giang

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU   | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                         |
|--|-----------|----------------|-----------------------------------|-------------------------|
|  |           |                | Năm nay                           | Năm trước               |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |                |                                   |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |                | 42.924.320.343                    | 8.986.964.988           |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |           |                |                                   |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        |                | 3.633.342.539                     | 7.301.574.835           |
| - Các khoản dự phòng   | 03        |                | 57.200                            | (2.904.181.821)         |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |                | -                                 | -                       |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        |                | (4.679.722.502)                   | (679.687.500)           |
| - Chi phí lãi vay  | 06        | VI.4           | 13.068.581.021                    | 3.377.501.615           |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |                | -                                 | -                       |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |                | 54.946.578.600                    | 16.082.172.117          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |                | (323.558.349.935)                 | 39.606.815.230          |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |                | (93.431.555.549)                  | (376.294.685.204)       |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |                | 116.125.767.066                   | 353.486.974.578         |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |                | (5.178.425.207)                   | 1.066.886.199           |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |                | 1.300.000.000                     | -                       |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |                | (46.871.705.623)                  | (6.484.745.703)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | V.18           | (23.899.179.788)                  | (742.000.000)           |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |                | -                                 | -                       |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        |                | (2.713.611.678)                   | (3.190.656.545)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |                | <b>(323.280.482.113)</b>          | <b>23.530.760.672</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |                |                                   |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |                | (619.276.364)                     | (68.119.862.970)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |                | 5.636.363.637                     | -                       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |                | (5.217.910.000)                   | -                       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |                | 10.450.000.000                    | -                       |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |                | (17.280.000.000)                  | -                       |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |                | (23.861.211.105)                  | -                       |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |                | 679.687.500                       | 679.687.500             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |                | <b>(30.212.346.332)</b>           | <b>(67.440.175.470)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
|  |           |             | Năm nay                           | Năm trước             |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                                   |                       |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        | V.23        | 84.692.360.000                    | 99.981.870.000        |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                                 | -                     |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        | V.21        | 420.611.781.020                   | 168.781.091.475       |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | V.21        | (136.622.118.309)                 | (186.186.540.503)     |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        | V.21        | (2.671.910.178)                   | (7.457.022.524)       |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        | V.23        | (2.433.600.000)                   | -                     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>363.576.512.533</b>            | <b>75.119.398.448</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>  | <b>50</b> |             | <b>10.083.684.088</b>             | <b>31.209.983.650</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>96.387.380.638</b>             | <b>38.743.071.696</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | -                                 | -                     |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>  | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>106.471.064.726</b>            | <b>69.953.055.346</b> |

Người lập biểu

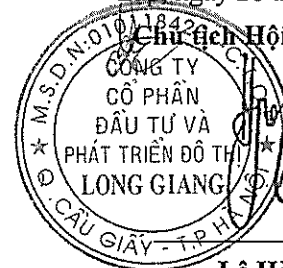

**Đặng Thị Loan**

Kế toán trưởng


**Nguyễn Thị Hồng Sinh**

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Lê Hà Giang**

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Đầu tư bất động sản và thi công xây lắp, dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh bất động sản và thi công xây lắp

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong kỳ, dự án đầu tư xây dựng chung cư Thành Thái tại Khu đất B29 số 7/28 đường Thành Thái, phường 14, quận 10, TP.Hồ Chí Minh đã hoàn thành và phát sinh doanh thu bán căn hộ và sàn trung tâm thương mại.

#### **6. Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

##### **6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn**

###### *Mua công ty con*

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn mua thêm 538.790 cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô tương đương 26,57% với giá mua là 53.879.000.000 VND, tăng tỷ lệ vốn nắm giữ tại công ty này lên 52,46%. (Số đầu năm: 525.082 cổ phần, tương ứng 25,89%, giá mua là 61.658.410.000 VND.

Giá phí hợp nhất kinh doanh của công ty con được mua là: 106.387.200.000 VND, trong đó:

|   |                        |
|---|------------------------|
| Giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát Công ty con                                      | 53.879.000.000         |
| Giá phí khoản đầu tư các lần trao đổi trước đã được định giá lại theo GTHL tại ngày đạt quyền kiểm soát | 52.508.200.000         |
| <b>Cộng</b>   | <b>106.387.200.000</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả của công ty con được mua vào ngày mua và lợi thế thương mại như sau:

|  | <b>VND</b>             |
|--|------------------------|
| <b>Tài sản</b>                                       | <b>26.309.797.229</b>  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                   | 526.833.766            |
| Phải thu khách hàng                                  | 290.021.400            |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn                         | 12.719.100.000         |
| Phải thu ngắn hạn khác                               | 11.802.802.122         |
| Tài sản cố định hữu hình(GTCL)                       | 820.622.278            |
| Bất động sản đầu tư(GTCL)                            | 97.086.872             |
| Chi phí trả trước dài hạn                            | 53.330.791             |
| <b>Nợ phải trả</b>                                   | <b>3.987.666.145</b>   |
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước                  | 233.992.086            |
| Phải trả người lao động                              | 22.817.000             |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                    | 230.036.366            |
| Phải trả phải nộp khác                               | 3.039.905.000          |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi                             | 460.915.693            |
| <b>Giá trị hợp lý của tài sản thuần</b>              | <b>22.322.131.084</b>  |
| <b>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (47,54%)</b>  | <b>10.612.126.034</b>  |
| <b>Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)</b> | <b>11.710.005.050</b>  |
| <b>Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)</b>               | <b>106.387.200.000</b> |
| <b>Lợi thế thương mại [(b) – (a)]</b>                | <b>94.677.194.950</b>  |

Tiền chi thuần để mua công ty con:

|   |                       |
|---|-----------------------|
| Trả bằng tiền   | 53.879.000.000        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con tại ngày mua | (526.833.766)         |
| <b>Tiền chi thuần</b>   | <b>53.352.166.234</b> |

**6b. Danh sách các công ty con được hợp nhất**

| Tên công ty                                 | Địa chỉ trụ sở chính   | Hoạt động kinh doanh chính                    | Tỷ lệ lợi ích |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|---|--|---|---------------|------------|------------------------|------------|
|   |  |   | Số cuối kỳ    | Số đầu năm | Số cuối kỳ             | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Minh Phát                   | Số 101 Trung Trắc, Phường Đức Thắng, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận | Xây dựng, lắp đặt...                          | 65%           | 65%        | 65%                    | 65%        |
| Công ty Cổ phần Rivera Hà Nội               | 69 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội     | Khai thác, kinh doanh bất động sản            | 63,88%        | 0%         | 51%                    | 0%         |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô | Số 1 phố Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội             | Kinh doanh bất động sản, bán buôn tổng hợp... | 52,46%        | 25,89%     | 52,46%                 | 25,89%     |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6c. *Danh sách các công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu*

| Tên công ty  | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính     | Tỷ lệ phần sở hữu (%) |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) |            |
|--|---|--------------------------------|-----------------------|------------|----------------------------|------------|
|  |   |                                | Số cuối kỳ            | Số đầu năm | Số cuối kỳ                 | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội                              | VP1, tầng 24A, tòa nhà 173 Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội                  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng | 48%                   | 48%        | 48%                        | 48%        |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn                             | Tầng 1, Tòa Nhà Packsimex, 52 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh                        | Xây dựng, lắp đặt              | 48%                   | 48%        | 48%                        | 48%        |
| Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Bất động sản Rivera Homes | Tầng 3, Lô A và Lô B Tòa nhà Rivera Park Sài Gòn, 7/28 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh | Dịch vụ quản lý tòa nhà        | 48%                   | 48%        | 48%                        | 48%        |

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 63 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 107 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

---

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu..

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí công cụ dụng cụ. Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

## 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị             | 03 – 10       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 06       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 05       |

### 9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị             | 08            |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 06       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 05       |

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là phần mềm quản lý kinh doanh bất động sản, khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

### 11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi bắt động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 25 năm.

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

#### ***Tài sản đồng kiểm soát***

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Tập đoàn trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Tập đoàn.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Tập đoàn phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Tập đoàn nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Tập đoàn ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

#### ***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

### **15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **16. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### **17. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

## ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được

## **19. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **20. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **21. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **22. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **23. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **24. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|   | <u>Số cuối kỳ</u>             | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|-------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt                                  | 4.153.780.335                 | 1.692.585.604                |
| Tiền gửi ngân hàng                        | 26.717.284.391                | 7.668.393.702                |
| Các khoản tương đương tiền                | 75.600.000.000                | 55.862.706.125               |
| - Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống | 75.600.000.000                | 55.862.706.125               |
| <b>Cộng</b>                               | <b><u>106.471.064.726</u></b> | <b><u>96.387.380.638</u></b> |

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

##### 2a. Chứng khoán kinh doanh

|                                       | Số cuối kỳ                  |                              |                         | Số đầu năm                  |                             |                         |
|---------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------|
|                                       | Giá gốc                     | Giá trị hợp lý               | Dự phòng                | Giá trị                     | Giá trị hợp lý              | Dự phòng                |
| <b>Cổ phiếu</b>                       | <b>4.641.425.325</b>        | <b>16.069.237.825</b>        | <b>(917.125)</b>        | <b>5.941.425.325</b>        | <b>8.124.627.900</b>        | <b>(859.925)</b>        |
| Ngân hàng                             |                             |                              |                         |                             |                             |                         |
| TMCP Sài Gòn                          | 1.425.325                   | 1.425.325                    | (917.125)               | 1.425.325                   | 565.400                     | (859.925)               |
| Thương Tín                            |                             |                              |                         |                             |                             |                         |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải | 4.640.000.000               | 16.067.812.500               |                         | 4.640.000.000               | 6.824.062.500               |                         |
| Petrolimex Hà Nội                     |                             |                              |                         |                             |                             |                         |
| Công ty Cổ phần BOT Cầu Phú Mỹ        |                             |                              |                         | 1.300.000.000               | 1.300.000.000               |                         |
| <b>Cộng</b>                           | <b><u>4.641.425.325</u></b> | <b><u>16.069.237.825</u></b> | <b><u>(917.125)</u></b> | <b><u>5.941.425.325</u></b> | <b><u>8.124.627.900</u></b> | <b><u>(859.925)</u></b> |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

|                            | <u>Kỳ này</u>         | <u>Kỳ trước</u>       |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                 | 859.925               | 291.009.525           |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 173.800               |                       |
| Hoàn nhập dự phòng         | (116.600)             | (290.191.400)         |
| <b>Số cuối kỳ</b>          | <b><u>917.125</u></b> | <b><u>818.125</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**2b. Đầu tư vào công ty liên kết**

|  | Giá gốc               | Số cuối kỳ                          |                       | Giá gốc                | Số đầu năm                          |                       |
|--|-----------------------|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
|  |                       | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng                  |                        | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng                  |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô <sup>(i)</sup>                     | -                     | -                                   | -                     | 61.658.410.000         | (23.189.401.302)                    | 38.469.008.698        |
| Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội <sup>(ii)</sup>                              | 28.800.000.000        | (1.999.193.166)                     | 26.800.806.834        | 28.800.000.000         | (477.599.310)                       | 28.322.400.690        |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn <sup>(iii)</sup>                            | 28.800.000.000        | 1.768.589.962                       | 30.568.589.962        | 17.400.000.000         | 861.101.844                         | 18.261.101.844        |
| Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Bất động sản Rivera Homes <sup>(iv)</sup> | 5.880.000.000         | 187.333.065                         | 6.067.333.065         | -                      | -                                   | -                     |
| <b>Cộng</b>  | <b>63.480.000.000</b> | <b>(43.270.139)</b>                 | <b>63.436.729.861</b> | <b>107.858.410.000</b> | <b>(22.805.898.768)</b>             | <b>85.052.511.232</b> |

(i) Ngày 14 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn đã mua thêm 538.790 cổ phiếu của Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô với giá mua là 53.879.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn sở hữu 1.063.872 cổ phiếu, tương đương 52,46% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô (số đầu năm là 525.082 cổ phiếu, tương đương 25,89% vốn điều lệ). Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô trở thành Công ty con của Tập đoàn từ ngày 14 tháng 6 năm 2018.

(ii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 28.800.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội, tương đương 48% vốn điều lệ, không thay đổi so với số đầu năm.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310683236 ngày 22 tháng 9 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn 28.800.000.000 VND, tương đương 48% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư thêm 11.400.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 28.800.000.000 VND, tương đương 48% vốn điều lệ (số đầu năm là 17.400.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ).

(iv) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 588.000 cổ phiếu, tương ứng 29% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Quản lý và khai thác Bất động sản Rivera Homes.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:

|  | <b>Giá trị phần sở hữu đầu năm</b> | <b>Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ</b> | <b>Giá trị đầu tư tăng thêm trong kỳ</b> | <b>Giá trị đầu tư giảm trong kỳ</b> | <b>Giá trị phần sở hữu cuối năm</b> |
|--|------------------------------------|----------------------------------|--|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô                    | 38.469.008.698                     | 183.584.419                      | -  | (38.652.593.116)                    | -                                   |
| Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội                              | 28.322.400.690                     | (1.521.593.856)                  | -  |                                     | 26.800.806.834                      |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn                             | 18.261.101.844                     | 907.488.118                      | 11.400.000.000                           |                                     | 30.568.589.962                      |
| Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Bất động sản Rivera Homes | -                                  | 187.333.065                      | 5.880.000.000                            |                                     | 6.067.333.065                       |
| <b>Cộng</b>  | <b>85.052.511.232</b>              | <b>(243.188.254)</b>             | <b>17.280.000.000</b>                    | <b>(38.652.593.116)</b>             | <b>63.436.729.861</b>               |

*Tình hình hoạt động của các công ty liên kết*

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước

*Giao dịch với các công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

|   | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                  |
|---|--|------------------|
|   | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b> |
| <b>Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội</b>                              |  |                  |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                | 18.671.656.626                           | 7.655.930.810    |
| Chi phí thi công công trình   | 222.360.708.687                          | 111.089.701.909  |
| <b>Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn</b>                             |  |                  |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                | 7.405.384.986                            | 50.828.923.950   |
| Doanh thu bán sản phẩm trung tâm thương mại dự án Thành Thái          | 258.689.379.431                          |                  |
| Chi phí thi công công trình   | 105.266.421.020                          | 75.330.504.870   |
| <b>Công ty Cổ phần Quản lý và khai thác Bất động sản Rivera Homes</b> |  |                  |
| Phí môi giới bất động sản   | 365.043.776                              |                  |
| Phí dịch vụ quản lý tòa nhà   | 2.089.843.720                            |                  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|  | Số cuối kỳ            |                        | Số đầu năm            |                        |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|  | Giá trị               | Dự phòng               | Giá trị               | Dự phòng               |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Vạn Xuân               | 7.000.000.000         |                        | 7.000.000.000         |                        |
| Công ty Cổ phần Long Giang TSQ                                     | 10.000.000.000        | (1.493.092.896)        | 10.000.000.000        | (1.493.092.896)        |
| Công ty Cổ phần Cung cấp Giải pháp Kỹ thuật                        | 3.000.000.000         |                        | 3.000.000.000         |                        |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Descon <sup>(1)</sup>         | 13.846.596.000        |                        | 13.846.596.000        |                        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy <sup>(2)</sup> | 8.912.187.500         |                        | 8.912.187.500         |                        |
| <b>Cộng</b>  | <b>42.758.783.500</b> | <b>(1.493.092.896)</b> | <b>42.758.783.500</b> | <b>(1.493.092.896)</b> |

(1) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn sở hữu 525.060 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Descon, không thay đổi so với đầu năm.

(2) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn sở hữu 866.400 cổ phiếu, tương đương 19% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy, không thay đổi so với số đầu năm.

**Giá trị hợp lý**

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

|                            | Kỳ này               | Kỳ trước              |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                 | 1.493.092.896        | 35.395.280.017        |
| Trích lập dự phòng bổ sung |                      | 1.493.092.896         |
| Hoàn nhập dự phòng         |                      | (4.107.083.317)       |
| <b>Số cuối kỳ</b>          | <b>1.493.092.896</b> | <b>32.781.289.596</b> |

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|   | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------------------|------------------------|
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>                   | <b>290.953.204.685</b> | <b>113.435.963.707</b> |
| Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội                   | 3.090.107.443          | 2.328.326.850          |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn                  | 253.801.036.240        | 77.732.401.855         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Xuân Thủy | 2.781.536.060          | 2.094.710.060          |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang          | 31.280.524.942         | 31.280.524.942         |
| <b>Phải thu các khách hàng khác</b>                 | <b>140.150.798.835</b> | <b>103.226.671.989</b> |
| Phải thu bán căn hộ dự án                           | 83.405.007.231         | 47.501.163.053         |
| Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam        | 21.700.610.682         | 21.700.510.682         |
| Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Việt Nam      | 6.807.724.175          | 6.807.724.175          |
| Các khách hàng khác                                 | 28.237.456.747         | 27.217.174.079         |
| <b>Cộng</b>   | <b>431.104.003.520</b> | <b>216.662.635.696</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i>       | <i>15.245.020.336</i> | <i>38.134.533.619</i> |
| Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội            | 15.160.991.776        | 32.343.324.619        |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn           |                       | 5.791.209.000         |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy | 84.028.560            |                       |
| <i>Trả trước cho các người bán khác</i>      | <i>23.561.431.619</i> | <i>33.637.191.457</i> |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí    | 7.897.907.033         | 8.471.072.973         |
| Các nhà cung cấp khác                        | 15.663.524.586        | 25.166.118.484        |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>38.806.451.955</b> | <b>71.771.725.076</b> |

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>  | <i>17.928.183.714</i> | <i>17.928.183.714</i> |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn   |                       | 10.000.000.000        |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang                                   | 5.272.821.214         | 5.272.821.214         |
| Ông Nguyễn Mạnh Hà (cho vay với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 06 tháng)      | 5.000.000.000         |                       |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hương (cho vay với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 06 tháng) | 5.000.000.000         |                       |
| Ông Mai Thanh Phương   | 2.655.362.500         | 2.655.362.500         |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>                                  | <i>7.626.203.426</i>  | <i>3.076.203.426</i>  |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Long Giang vay                                      | 1.416.186.629         | 1.416.186.629         |
| Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn                                    | 6.210.016.797         | 1.660.016.797         |
| <b>Cộng</b>  | <b>25.554.387.140</b> | <b>21.004.387.140</b> |

**6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>      |                 | <u>Số đầu năm</u>     |                 |
|---|------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
|   | <u>Giá trị</u>         | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u>        | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>   | <i>19.507.710.505</i>  |                 | <i>24.376.297.805</i> |                 |
| Ban Tổng Giám đốc - Tạm ứng   | 4.802.044.061          |                 | 343.395.061           |                 |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn - Phải thu tiền điện                           | 349.368.244            |                 | 349.368.244           |                 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Tạm ứng   | 7.052.763.700          |                 | -                     |                 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Dịch vụ Xuân Thủy - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 1.536.000.000          |                 | 1.536.000.000         |                 |
| Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội - Tiền chuyển nhượng cổ phần                    | -                      |                 | 16.380.000.000        |                 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang  | 5.767.534.500          |                 | 5.767.534.500         |                 |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>                                       | <i>105.241.706.858</i> |                 | <i>23.582.558.619</i> |                 |
| Thuế GTGT TSCĐ thuê tài chính   | 713.780.341            |                 | 947.502.205           |                 |
| Ký cược, ký quỹ   | 162.355.806            |                 | 162.355.806           |                 |
| Tạm ứng   | 103.856.084.741        |                 | 22.070.005.594        |                 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác  | 509.485.970            |                 | 402.695.014           |                 |
| <b>Cộng</b>   | <b>124.749.417.363</b> |                 | <b>47.958.856.424</b> |                 |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****6b. Phải thu dài hạn khác**

|   | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|   | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>   | <b>51.052.820.000</b> |          | <b>51.019.212.000</b> |          |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang  |                       |          |                       |          |
| - Góp vốn hợp tác kinh doanh dự án khu đô thị mới Việt Hưng - Hà Nội <sup>(i)</sup>                 | 41.052.820.000        |          | 41.019.212.000        |          |
| - Góp vốn hợp tác kinh doanh dự án 173 Xuân Thủy <sup>(ii)</sup>                                    | 10.000.000.000        |          | 10.000.000.000        |          |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>   | <b>17.510.993.501</b> |          | <b>17.510.993.501</b> |          |
| Công ty TNHH Đầu tư BĐS May thuê Việt Hưng - Góp vốn dự án Khu đô thị mới Sài Đồng <sup>(iii)</sup> | 16.200.000.000        |          | 16.200.000.000        |          |
| Ký cược, ký quỹ   | 1.310.993.501         |          | 1.310.993.501         |          |
| <b>Cộng</b>   | <b>68.563.813.501</b> |          | <b>68.530.205.501</b> |          |

- (i) Góp vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng số 0406/2010/HĐ/HTKD/LGL-LGL ngày 04 tháng 6 năm 2010 để thực hiện dự án khu nhà ở cao tầng tại ô đất CC05A- dự án khu đô thị mới Việt Hưng- Hà Nội với số vốn góp của Công ty là 40.930.890.000 VND tương ứng với tỷ lệ 90%. Số vốn đã góp là: 41.052.820.000 VND. Nghĩa vụ và quyền lợi của các bên được thực hiện theo Hợp đồng, phụ lục hợp đồng đã ký.
- (ii) Góp vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng số 2309/HĐHTĐT/LGL-VH ngày 23 tháng 9 năm 2017 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/LGL-VH ngày 23 tháng 9 năm 2017 để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Dự án tại Khu đô thị mới Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội với số vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang là 117.000.000.000 VND. Số vốn đã góp là : 16.200.000.000 VND - Chi phí nguồn tiền để Việt Hưng thực hiện giải phóng mặt bằng. Nghĩa vụ và quyền lợi của các bên được thực hiện theo Hợp đồng, phụ lục hợp đồng đã ký
- (iii) Góp vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng số 2309/HĐHTĐT/LGL-VH ngày 23 tháng 9 năm 2017 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/LGL-VH ngày 23 tháng 9 năm 2017 để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Dự án tại Khu đô thị mới Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội với số vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang là 117.000.000.000 VND. Số vốn đã góp là : 16.200.000.000 VND - Chi phí nguồn tiền để Việt Hưng thực hiện giải phóng mặt bằng. Nghĩa vụ và quyền lợi của các bên được thực hiện theo Hợp đồng, phụ lục hợp đồng đã ký

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 7. Nợ xấu

Các khoản nợ xấu đều có thời gian quá hạn trên 3 năm và được trích dự phòng phải thu khó đòi 100%.

|   | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Các bên liên quan</i>                      | <b>4.729.144.090</b>         | <b>4.729.144.090</b>         |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang    | 4.729.144.090                | 4.729.144.090                |
| <i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>            | <b>40.300.876.526</b>        | <b>40.300.876.526</b>        |
| Công ty Cổ phần Cung cấp giải pháp kỹ thuật   | 548.772.197                  | 548.772.197                  |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam | 5.586.161.832                | 5.586.161.832                |
| Công ty Cổ phần Địa ốc COMA                   | 956.866.074                  | 956.866.074                  |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Đông Dương  | 235.628.628                  | 235.628.628                  |
| Công ty Cổ phần Long Việt                     | 1.704.662.296                | 1.704.662.296                |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số I Hà Nội          | 2.700.617.731                | 2.700.617.731                |
| Công ty Xây dựng số I                         | 725.814.494                  | 725.814.494                  |
| Công ty Delta                                 | 681.210.289                  | 681.210.289                  |
| Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội                 | 828.693.477                  | 828.693.477                  |
| Công ty Cầu 12                                | 644.405.913                  | 644.405.913                  |
| Tổng Công ty Vinaconex                        | 288.390.391                  | 288.390.391                  |
| Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam  | 21.700.610.682               | 21.700.610.682               |
| Các tổ chức và cá nhân khác                   | 3.699.042.522                | 3.699.042.522                |
| <b>Cộng</b>                                   | <b><u>45.030.020.616</u></b> | <b><u>45.030.020.616</u></b> |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

|                               | <u>Kỳ này</u>                | <u>Kỳ trước</u>              |
|-------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm                    | 45.030.020.616               | 23.939.073.218               |
| Trích lập dự phòng bổ sung    | -                            | 23.445.918.506               |
| Giảm do thoái vốn công ty con | -                            | (2.354.971.108)              |
| <b>Số cuối kỳ</b>             | <b><u>45.030.020.616</u></b> | <b><u>45.030.020.616</u></b> |

### 8. Hàng tồn kho

|  | <u>Số cuối kỳ</u>               |                 | <u>Số đầu năm</u>               |                 |
|--|---------------------------------|-----------------|---------------------------------|-----------------|
|  | <u>Giá gốc</u>                  | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u>                  | <u>Dự phòng</u> |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang         | 1.541.515.721.136               |                 | 1.448.084.165.587               |                 |
| <i>Dự án Thành Thái<sup>(1)</sup></i>        | 406.425.254.373                 |                 | 617.929.546.166                 |                 |
| <i>Dự án 69 Vũ Trọng Phụng<sup>(1)</sup></i> | 1.088.716.071.505               |                 | 784.852.808.305                 |                 |
| <i>Các dự án khác</i>                        | 46.374.395.258                  |                 | 45.301.811.116                  |                 |
| Hàng hóa                                     | 1.289.497.846                   |                 | 1.289.497.846                   |                 |
| <b>Cộng</b>                                  | <b><u>1.542.805.218.982</u></b> |                 | <b><u>1.449.373.663.433</u></b> |                 |

<sup>(1)</sup> Dự án đầu tư xây dựng chung cư Thành Thái theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0104/HTKD/LGL – VIE “V/v Hợp tác thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Chung cư Thành Thái tại Khu đất B29 số 7/28 đường Thành Thái, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh” ngày 01 tháng 4 năm 2014 ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Việt Nam – Vietradico. Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí dự án trong kỳ là 12.251.120.681 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Dự án này đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long.

(iii) Dự án công trình xây dựng khu văn phòng, dịch vụ và nhà ở tại 69 Vũ Trọng Phụng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 396A/HTKD “V/v hợp tác thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu văn phòng, dịch vụ và nhà ở tại 69 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội” ngày 15 tháng 10 năm 2009 ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tu bổ di tích và Thiết bị văn hóa Trung ương. Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Tu bổ di tích và Thiết bị văn hóa Trung ương theo hợp đồng là 38%, hai bên sẽ phân chia lợi nhuận căn cứ theo tỷ lệ vốn góp trong hợp đồng. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Tu bổ di tích và Thiết bị văn hóa Trung ương còn được quyền nhận và sở hữu đối với 01 tầng trên cùng (tầng 4) của khối văn phòng dịch vụ có diện tích khoảng 1.805m<sup>2</sup> là sản phẩm hoàn thiện theo phương thức chia khóa trao tay để làm văn phòng coi như thu hồi phần vốn góp và được đảm bảo lợi nhuận sau thuế được chia tối thiểu là 2.700.000 USD (theo tỷ giá mua Đô la Mỹ do Ngân hàng TMCP Ngoại thương công bố vào ngày thanh toán). Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí dự án trong kỳ là 20.405.086.301 VND.

Dự án này đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch số 1.

### 9. Chi phí trả trước dài hạn

|                              | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ     | 1.035.511.341                | 1.163.356.977                |
| Chi phí dự án Vũ Trọng Phụng | 20.313.480.164               | 14.832.062.520               |
| Chi phí dự án Thành Thái     | 360.353.492                  | 535.500.293                  |
| <b>Cộng</b>                  | <b><u>21.709.344.997</u></b> | <b><u>16.530.919.790</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỒ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****10. Tài sản cố định hữu hình**

|                                       | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị  | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng                 |
|---------------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                        |                      |                                 |                           |                      |
| Số đầu năm                            |                        | 19.700.252.560       | 4.586.995.636                   | 435.082.210               | 24.722.330.406       |
| Mua trong kỳ                          |                        |                      | 608.276.364                     |                           | 608.276.364          |
| Thanh lý, nhượng bán                  |                        | (17.842.727.273)     |                                 |                           | (17.842.727.273)     |
| Tăng do hợp nhất                      | 64.324.201             |                      | 459.900.000                     |                           | 524.224.201          |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>64.324.201</b>      | <b>1.857.525.287</b> | <b>5.655.172.000</b>            | <b>435.082.210</b>        | <b>8.012.103.698</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                      |                                 |                           |                      |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng |                        | 1.719.326.719        | 1.118.995.636                   | 296.647.000               | 3.134.969.355        |
| Chờ thanh lý                          |                        |                      | 459.900.000                     |                           | 459.900.000          |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                        |                      |                                 |                           |                      |
| Số đầu năm                            |                        | 17.091.882.143       | 1.458.995.638                   | 355.495.865               | 18.906.373.646       |
| Khấu hao trong kỳ                     | 1.286.484              | 911.127.971          | 373.095.232                     | 23.687.518                | 1.309.197.205        |
| Thanh lý, nhượng bán                  |                        | (16.206.398.638)     |                                 |                           | (16.206.398.638)     |
| Tăng do hợp nhất                      | 61.164.325             |                      | 216.332.248                     |                           | 277.496.573          |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>62.450.809</b>      | <b>1.796.611.476</b> | <b>2.048.423.118</b>            | <b>379.183.383</b>        | <b>4.286.668.786</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                        |                      |                                 |                           |                      |
| Số đầu năm                            |                        | 2.608.370.417        | 3.127.999.998                   | 79.586.345                | 5.815.956.760        |
| Số cuối kỳ                            | <b>1.873.392</b>       | <b>60.913.811</b>    | <b>3.606.748.882</b>            | <b>55.898.827</b>         | <b>3.725.434.912</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                      |                                 |                           |                      |
| Tạm thời chưa sử dụng                 |                        |                      |                                 |                           |                      |
| Đang chờ thanh lý                     |                        |                      |                                 |                           |                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****11. Tài sản cố định thuê tài chính**

|                        | <u>Máy móc và<br/>thiết bị</u> | <u>Phương tiện<br/>vận tải, truyền<br/>dẫn</u> | <u>Thiết bị,<br/>dụng cụ<br/>quản lý</u> | <u>Cộng</u>           |
|------------------------|--------------------------------|--|--|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                                |  |  |                       |
| Số đầu năm             | 17.500.000.000                 | 10.495.665.455                                 | 6.896.297.141                            | 34.891.962.596        |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>17.500.000.000</b>          | <b>10.495.665.455</b>                          | <b>6.896.297.141</b>                     | <b>34.891.962.596</b> |
| <b>Giá trị hao mòn</b> |                                |  |  |                       |
| Số đầu năm             | 3.329.829.533                  | 2.399.043.292                                  | 5.028.566.386                            | 10.757.439.211        |
| Khấu hao trong kỳ      | 1.093.749.996                  | 895.979.400                                    | 270.222.246                              | 2.259.951.642         |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>4.423.579.529</b>           | <b>3.295.022.692</b>                           | <b>5.298.788.632</b>                     | <b>13.017.390.853</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                                |  |  |                       |
| Số đầu năm             | 14.170.170.467                 | 8.096.622.163                                  | 1.867.730.755                            | 24.134.523.385        |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>13.076.420.471</b>          | <b>7.200.642.763</b>                           | <b>1.597.508.509</b>                     | <b>21.874.571.743</b> |

**12. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm quản lý bất động sản, chi tiết như sau:

|                   | <u>Nguyên giá</u>  | <u>Hao mòn lũy kế</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|-------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm        | 160.000.000        | 37.333.334            | 122.666.666            |
| Khấu hao trong kỳ |                    | 16.000.006            | 16.000.006             |
| <b>Số cuối kỳ</b> | <b>160.000.000</b> | <b>53.333.340</b>     | <b>106.666.660</b>     |

**13. Bất động sản đầu tư**

Là nhà thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô dùng để cho thuê

Tình hình biến động của bất động sản đầu tư trong kỳ như sau:

|                             | <u>Nguyên giá</u>    | <u>Hao mòn lũy kế</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|-----------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm                  | -                    | -                     | -                      |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | 2.577.018.894        | 2.431.738.336         | 145.280.558            |
| Khấu hao trong kỳ           |                      | 48.193.686            | (48.193.686)           |
| <b>Số cuối kỳ</b>           | <b>2.577.018.894</b> | <b>2.479.932.022</b>  | <b>97.086.872</b>      |

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang dự án xây dựng biệt thự ở Mũi Né, Phan Thiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****15. Lợi thế thương mại**

|                             | <b>Công ty Cổ phần<br/>Minh Phát</b> | <b>Công ty Cổ phần<br/>Thương mại Dịch<br/>vụ Nghĩa Đô</b> | <b>Cộng</b>            |
|-----------------------------|--------------------------------------|--|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>           |                                      |  |                        |
| Số đầu năm                  | 53.210.688.978                       | -  | 53.210.688.978         |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh |                                      | 94.677.194.950   | 94.677.194.950         |
| Giảm khác                   |                                      | (13.855.606.883)   | (13.855.606.883)       |
| <b>Số cuối kỳ</b>           | <b>53.210.688.978</b>                | <b>80.821.588.067</b>                                      | <b>134.032.277.045</b> |
| <b>Giá trị hao mòn</b>      |                                      |  |                        |
| Số đầu năm                  | 5.321.068.898                        | -  | 5.321.068.898          |
| Phân bổ trong kỳ            | 2.660.534.449                        | -  | 2.660.534.449          |
| <b>Số cuối kỳ</b>           | <b>7.981.603.347</b>                 | <b>-</b>   | <b>7.981.603.347</b>   |
| <b>Giá trị còn lại</b>      |                                      |  |                        |
| Số đầu năm                  | 47.889.620.080                       | -  | 47.889.620.080         |
| <b>Số cuối kỳ</b>           | <b>45.229.085.631</b>                | <b>80.821.588.067</b>                                      | <b>126.050.673.698</b> |

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

|  | <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>Số đầu năm</b>      |
|--|------------------------|------------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>                              | <b>38.699.114.260</b>  | <b>101.507.008.723</b> |
| Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội                              | 21.493.789.842         | 45.085.219.746         |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn                             | 13.224.726.412         | 56.395.928.260         |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy                   | 2.895.381.824          | 25.860.717             |
| Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Bất động sản Rivera Homes | 1.085.216.182          |                        |
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>                          | <b>77.049.783.712</b>  | <b>92.230.222.555</b>  |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Meco                              | 14.906.802.770         | 15.406.802.770         |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Phi Kha Miền Bắc   | 2.895.909.380          | 8.988.849.580          |
| Công ty TNHH Bình Yên  | 1.463.473.088          | 7.540.082.986          |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Thương mại Việt Hàn         | 5.819.058.371          | 7.188.164.034          |
| Công ty TNHH Phát triển Thương Mại Lâm Anh                     | 736.191.915            | 1.509.631.345          |
| Các nhà cung cấp khác  | 51.228.348.188         | 51.596.691.840         |
| <b>Cộng</b>  | <b>115.748.897.972</b> | <b>193.737.231.278</b> |

**17. Người mua trả tiền trước**

|  | <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>Số đầu năm</b>      |
|--|------------------------|------------------------|
| <b>Trả trước của các bên liên quan</b>   | <b>8.295.752.627</b>   | <b>59.998.460.010</b>  |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn       | 8.295.752.627          | 59.998.460.010         |
| <b>Trả trước của các khách hàng khác</b> | <b>491.531.671.054</b> | <b>280.580.969.700</b> |
| Tiền nhận trước bán căn hộ dự án         | 490.637.537.532        | 280.271.822.723        |
| Các khách hàng khác                      | 894.133.522            | 309.146.977            |
| <b>Cộng</b>                              | <b>499.827.423.681</b> | <b>340.579.429.710</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|  | Số đầu năm             | Số phải nộp trong kỳ  | Tăng do hợp nhất   | Số đã thực nộp trong kỳ  | Số cuối kỳ            |
|--|------------------------|-----------------------|--------------------|--------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa             | 3.901.916              | 274.364.948           | 27.749.367         | (243.248.568)            | 62.767.663            |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 22.408.668.987         | 14.227.017.817        | 353.675.741        | (23.899.179.788)         | 13.090.182.757        |
| Thuế thu nhập cá nhân                  | 2.507.535.343          | 1.213.613.193         | 53.260.727         | (2.084.594.749)          | 1.689.814.514         |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất            | 152.792.393.640        | 984.714.249           | (316.848.579)      | (153.393.381.670)        | 66.877.640            |
| Các loại thuế khác                     | 45.339.657             | 29.243.912            |                    | (29.243.912)             | 45.339.657            |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 205.466.898            | 5.498.118.576         |                    | (5.498.118.576)          | 205.466.898           |
| <b>Cộng</b>                            | <b>177.963.306.441</b> | <b>22.227.072.695</b> | <b>117.837.256</b> | <b>(185.147.767.263)</b> | <b>15.160.449.129</b> |

**Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

**19. Chi phí phải trả**

|   | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>   | <b>11.708.266.939</b> | <b>12.927.920.444</b> |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn - trích trước chi phí công trình xây lắp | 121.198.184           | 121.198.184           |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy - Lãi vay phải trả      | 11.587.068.755        | 12.792.365.076        |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nghĩa Đô - lãi vay phải trả           | -                     | 14.357.184            |
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>                                 | <b>12.782.344.473</b> | <b>16.937.488.092</b> |
| Chi phí công trình Vũ Trọng Phụng   | -                     | 17.350.909            |
| Chi phí Dự án Thành Thái  | 1.669.637.082         | 3.198.875.688         |
| Chi phí lãi vay phải trả  | 11.097.176.177        | 13.711.008.620        |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác  | 15.531.214            | 10.252.875            |
| <b>Cộng</b>   | <b>24.490.611.412</b> | <b>29.865.408.536</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****20a. Phải trả ngắn hạn khác**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>                    | <b>5.028.478.486</b>         | <b>6.866.042.741</b>         |
| Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội                    | 7.575.000                    | 7.575.000                    |
| Nguyễn Duy Kiên                                      | 5.000.000.000                | 5.000.000.000                |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn                   | 20.903.486                   | 1.858.467.741                |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>           | <b>75.932.145.930</b>        | <b>73.861.229.146</b>        |
| Kinh phí công đoàn                                   | 773.177.836                  | 695.327.084                  |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 182.940.518                  | 167.437.430                  |
| Nhận đặt cọc ký quỹ, ký cược ngắn hạn                | 55.436.951.837               | 58.941.935.463               |
| Kinh phí bảo trì dự án                               | 15.084.322.185               | 12.126.542.726               |
| Phí quản lý căn hộ                                   | 472.587.560                  | 1.381.814.537                |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả                           | 2.626.735.400                | 193.135.400                  |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                     | 1.355.430.594                | 355.036.506                  |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>80.960.624.416</u></b> | <b><u>80.727.271.887</u></b> |

**20b. Phải trả dài hạn khác**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>             | <u>Số đầu năm</u>             |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>  | <b>91.232.722.500</b>         | <b>31.232.722.500</b>         |
| Ông Mai Thanh Phương - Góp vốn dự án Việt Hưng   | 10.232.722.500                | 10.232.722.500                |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy - Góp vốn dự án 69 Vũ Trọng Phụng <sup>(i)</sup> | 21.000.000.000                | 21.000.000.000                |
| Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội - Góp vốn dự án 69 Vũ Trọng Phụng <sup>(ii)</sup>                  | 30.000.000.000                |                               |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn - Góp vốn dự án 69 Vũ Trọng Phụng <sup>(iii)</sup>                | 30.000.000.000                |                               |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>  | <b>167.754.423.286</b>        | <b>158.614.027.471</b>        |
| Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Việt Nam - Vietradico - góp vốn dự án Thành Thái               | 155.746.792.121               |                               |
| - Góp vốn dự án Thành Thái <sup>(iv)</sup>   | 31.000.000.000                | 42.000.000.000                |
| - Chi phí hợp tác kinh doanh tạm tính  | 89.054.292.121                | 67.613.896.306                |
| - Phải trả dài hạn khác  | 35.692.500.000                | 35.692.500.000                |
| Công ty Cổ phần Địa Ốc Bách Việt góp vốn dự án 69 Vũ Trọng Phụng <sup>(v)</sup>                      | 7.779.220.533                 | 7.779.220.533                 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hương - hợp tác kinh doanh dự án Sài Đồng  | 2.500.000.000                 | 2.500.000.000                 |
| Công ty TNHH Long Thịnh góp vốn dự án Cần Thơ  | 458.599.632                   | 458.599.632                   |
| Trần Hữu Thắng góp tiền mua cổ phiếu BOT của dự án Phú Mỹ  |                               | 1.300.000.000                 |
| Các cá nhân khác góp vốn dự án Vũ Trọng Phụng  | 1.269.811.000                 | 1.269.811.000                 |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>258.987.145.786</u></b> | <b><u>189.846.749.971</u></b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(i) Là khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2010/HĐHTKD/LGL – XT thực hiện “Dự án Trung tâm Thương mại, dịch vụ, văn phòng và nhà ở tại 69 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, Hà Nội” ngày 25 tháng 12 năm 2017 ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy. Hai bên góp vốn đầu tư để Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang đại diện thực hiện Hợp đồng 396A/HTKD ngày 15 tháng 10 năm 2009 ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tư bổ di tích và Thiết bị văn hóa Trung ương. Hợp đồng 396A là một phần không thể tách rời của hợp đồng này. Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy theo hợp đồng này là 5%.

(ii) Là khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 3003/HĐHTKD/LGL-LGHN ngày 30 tháng 03 năm 2018 ký giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang và Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội “Hợp tác thực hiện Dự án Trung tâm Thương mại, dịch vụ, văn phòng và nhà ở tại 69 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, Hà Nội”. Vốn góp của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang là 301.000.000.000 VND tương ứng với tỷ lệ 93,12% và số vốn góp của Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội là 30.000.000.000 VND chiếm tỷ lệ 6,88% tổng vốn góp của các bên trong hợp đồng này. Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội hưởng lợi nhuận phân chia căn cứ theo phần tỷ lệ góp vốn trong hợp đồng.

(iii) Là khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2903/HĐHTKD/LGL-LGSG ngày 29 tháng 03 năm 2018 ký giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang và Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn “Hợp tác thực hiện Dự án Trung tâm Thương mại, dịch vụ, văn phòng và nhà ở tại 69 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, Hà Nội”. Vốn góp của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang là 301.000.000.000 VND tương ứng với tỷ lệ 93,12% và số vốn góp của Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn là 30.000.000.000 VND chiếm tỷ lệ 6,88% tổng vốn góp của các bên trong hợp đồng này. Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn hưởng lợi nhuận phân chia căn cứ theo phần tỷ lệ góp vốn trong hợp đồng.

(iv) Là khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0104/HTKD/LGL – VIE “V/v Hợp tác thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Chung cư Thành Thái tại Khu đất B29 số 7/28 đường Thành Thái, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh” ngày 01 tháng 4 năm 2014. Bên Công ty Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Việt Nam hưởng lợi nhuận cố định theo hợp đồng không phụ thuộc vào lợi nhuận thực tế của cả dự án.

(v) Là khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1706/HĐHTKD/LGL – BVL ngày 17/06/2013 và hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp để thực hiện “Dự án Trung tâm thương mại dịch vụ văn phòng và nhà ở tại 69 Vũ Trọng Phụng” số 1601/2016/HĐCN ngày 16 tháng 01 năm 2016. Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Bách Việt theo hợp đồng là 19%, hai bên sẽ phân chia lợi nhuận căn cứ theo tỷ lệ vốn góp trong hợp đồng.

### 20c. *Nợ quá hạn chưa thanh toán*

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/ dài hạn****21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>             | <u>Số đầu năm</u>             |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>                            | <b>5.000.000.000</b>          | <b>10.912.461.558</b>         |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nghĩa Đô   |                               | 2.919.100.000                 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Xuân Thủy   |                               | 2.993.361.558                 |
| Ông Nguyễn Mạnh Hà <sup>(i)</sup>  | 5.000.000.000                 | 5.000.000.000                 |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>                  | <b>661.104.998.314</b>        | <b>358.732.131.706</b>        |
| Vay ngắn hạn ngân hàng   | 461.383.010.059               | 240.452.958.139               |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội <sup>(ii)</sup> | 31.507.960.670                | 32.934.008.522                |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long <sup>(iii)</sup>                        | 429.875.049.389               | 207.518.949.617               |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác  | 43.978.171.899                | 82.535.357.211                |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Vạn Xuân <sup>(iv)</sup>                           | 4.338.990.000                 | 4.338.990.000                 |
| Các cá nhân khác <sup>(v)</sup>  | 39.639.181.899                | 78.196.367.211                |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)   | 150.399.996.000               | 30.399.996.000                |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)                                       | 5.343.820.356                 | 5.343.820.356                 |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>666.104.998.314</u></b> | <b><u>369.644.593.264</u></b> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay theo hợp đồng vay có thời gian vay 12 tháng, lãi suất 12%/năm, không có tài sản đảm bảo. Mục đích vay để bổ sung vốn thực hiện đầu tư dự án Rivera Park Sài Gòn và dự án Rivera Park Hà Nội.
- (ii) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 1420-LAV-201600261 ngày 24/6/2016, hạn mức cấp tín dụng 55.000.000.000 VND, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD, thời hạn vay, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản bảo đảm là các quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ông Lê Hà Giang và Bà Ngô Thị Thanh Hòa, của Ông Nguyễn Quốc Chinh và Bà Nguyễn Thị Thanh Hà và của Bà Ngô Thị Thu Hiền.
- (iii) Khoản vay theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 68/2016/HĐHM-PN/SHB.110600 ngày 09/03/2016, hạn mức cấp tín dụng 352.500.000.000 VND, mục đích vay tài trợ cho chi phí đầu tư dự án khu chung cư Thành Thái, lãi suất vay được quy định trong từng lần nhận nợ, thời hạn vay tối đa không vượt quá 12 tháng. Tài sản đảm bảo là toàn bộ dự án khu chung cư Thành Thái tại địa chỉ số 7/28, đường Thành Thái, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang làm chủ đầu tư.
- (iv) Khoản vay theo hợp đồng số 04/2011/VX ngày 09 tháng 5 năm 2011, không có thời hạn, lãi suất vay 0%/tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- (v) Các khoản vay theo các hợp đồng vay có thời gian vay 12 tháng, lãi suất 12%/năm, không có tài sản đảm bảo. Mục đích vay để bổ sung vốn thực hiện đầu tư dự án Rivera Park Sài Gòn và dự án Rivera Park Hà Nội.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

|  | Số đầu năm             | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ             |
|--|------------------------|--------------------------------|---------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn bên liên quan               | 10.912.461.558         |                                |                                 | (5.912.461.558)             | 5.000.000.000          |
| Vay ngắn hạn ngân hàng                   | 240.452.958.139        | 275.394.888.982                |                                 | (54.464.837.062)            | 461.383.010.059        |
| Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác | 82.535.357.211         | 27.487.636.377                 |                                 | (66.044.821.689)            | 43.978.171.899         |
| Vay dài hạn đến hạn trả                  | 30.399.996.000         |                                | 130.199.998.000                 | (10.199.998.000)            | 150.399.996.000        |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả            | 5.343.820.356          |                                | 2.671.910.178                   | (2.671.910.178)             | 5.343.820.356          |
| <b>Cộng</b>                              | <b>369.644.593.264</b> | <b>302.882.525.359</b>         | <b>132.871.908.178</b>          | <b>(139.294.028.487)</b>    | <b>666.104.998.314</b> |

**21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

|   | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------------------|------------------------|
| Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch số 1 <sup>(i)</sup> | 295.041.964.270        | 307.312.708.609        |
| Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội                          | 1.233.341.000          | 1.433.339.000          |
| Nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam  | 6.404.967.436          | 9.076.877.614          |
| <b>Cộng</b>   | <b>302.680.272.706</b> | <b>317.822.925.223</b> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/272693/HĐTD ký ngày 12 tháng 08 năm 2016. Hạn mức của khoản vay là 500.000.000.000, mục đích vay là để tài trợ các chi phí hợp lý đầu tư thực hiện Dự án Trung tâm thương mại, dịch vụ, văn phòng và Nhà ở tại số 69 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội. Thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất vay thỏa thuận thả nổi, định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi quá hạn là 130% lãi trong hạn. Thời gian ân hạn của khoản vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau khi kết thúc thời gian ân hạn sẽ thực hiện thanh toán số dư nợ gốc định kỳ 3 tháng/lần. Lịch trả nợ được lập trong vòng 1 tháng trước khi kết thúc thời gian ân hạn. Khoản vay được giải ngân lần đầu ngày 01 tháng 9 năm 2016. Tài sản đảm bảo là toàn bộ Dự án Trung tâm thương mại, dịch vụ, văn phòng và Nhà ở tại số 69 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

|                       | <b>Tổng nợ</b>         | <b>Từ 1 năm trở xuống</b> | <b>Trên 1 năm đến 5 năm</b> | <b>Trên 5 năm</b> |
|-----------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>     |                        |                           |                             |                   |
| Vay dài hạn ngân hàng | 446.675.301.270        | 150.399.996.000           | 296.275.305.270             |                   |
| Nợ thuê tài chính     | 11.748.787.792         | 5.343.820.356             | 6.404.967.436               |                   |
| <b>Cộng</b>           | <b>458.424.089.062</b> | <b>155.743.816.356</b>    | <b>302.680.272.706</b>      |                   |
| <b>Số đầu năm</b>     |                        |                           |                             |                   |
| Vay dài hạn ngân hàng | 339.146.043.609        | 30.399.996.000            | 308.746.047.609             |                   |
| Nợ thuê tài chính     | 14.420.697.970         | 5.343.820.356             | 9.076.877.614               |                   |
| <b>Cộng</b>           | <b>353.566.741.579</b> | <b>35.743.816.356</b>     | <b>317.822.925.223</b>      |                   |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

|  | <b>Số đầu năm</b>      | <b>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</b> | <b>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</b> | <b>Số cuối kỳ</b>      |
|--|------------------------|---------------------------------------|---|------------------------|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch số 1         | 307.312.708.609        | 117.729.255.661                       | (130.000.000.000)                         | 295.041.964.270        |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội                   | 1.433.339.000          |                                       | (199.998.000)                             | 1.233.341.000          |
| Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 9.076.877.614          |                                       | (2.671.910.178)                           | 6.404.967.436          |
| <b>Cộng</b>  | <b>317.822.925.223</b> | <b>117.729.255.661</b>                | <b>(132.871.908.178)</b>                  | <b>302.680.272.706</b> |

**21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                                   | <b>Số đầu năm</b>  | <b>Tăng do hợp nhất KD</b> | <b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b> | <b>Chi quỹ trong năm</b> | <b>Số cuối năm</b>   |
|-----------------------------------|--------------------|----------------------------|---------------------------------------|--------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi         | 128.963.108        | 351.879.789                | 9.266.109.930                         | (1.793.611.678)          | 7.953.341.149        |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 593.389.094        |                            | -                                     |                          | 593.389.094          |
| <b>Cộng</b>                       | <b>722.352.202</b> | <b>351.879.789</b>         | <b>9.266.109.930</b>                  | <b>(1.793.611.678)</b>   | <b>8.546.730.243</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 23. Vốn chủ sở hữu

#### 23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|  | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần               | Cổ phiếu quỹ        | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                   |
|--|------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước                             | 199.992.750.000        | 92.574.334.165<br>(45.992.220.000) | (43.500.000)        | 11.682.477.081        | 5.841.238.541                 | 22.814.994.270                    | 332.862.294.057        |
| Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần             | 45.992.220.000         |                                    |                     |                       |                               |                                   |                        |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền             | 99.981.870.000         |                                    |                     | 2.048.178.147         | 676.954.354                   | 7.073.217.140                     | 99.981.870.000         |
| Lợi nhuận kỳ này                             |                        |                                    |                     |                       |                               | (4.604.016.331)                   | 7.073.217.140          |
| Trích lập các quỹ                            |                        |                                    |                     |                       |                               | (17.298.342.000)                  | (1.878.883.830)        |
| Chi trả cổ tức                               |                        |                                    |                     |                       |                               | (490.320.000)                     | (17.298.342.000)       |
| Chi thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát |                        |                                    |                     |                       |                               |                                   | (490.320.000)          |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>                  | <b>345.966.840.000</b> | <b>46.582.114.165</b>              | <b>(43.500.000)</b> | <b>13.730.655.228</b> | <b>6.518.192.895</b>          | <b>7.495.533.079</b>              | <b>420.249.835.367</b> |
| Số dư đầu năm nay                            | 345.966.840.000        | 46.582.114.165<br>(44.968.121.200) | (43.500.000)        | 13.637.461.984        | 6.424.999.651                 | 104.162.269.206                   | 516.730.185.006        |
| Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần(*)          | 44.968.121.200         |                                    |                     |                       |                               |                                   |                        |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền(*)          | 84.847.360.000         |                                    |                     |                       |                               |                                   |                        |
| Tăng vốn từ nguồn LN CPP(*)                  | 24.217.678.800         |                                    |                     |                       |                               | (24.217.678.800)                  | 84.847.360.000         |
| Chi phí phát hành tăng vốn                   |                        | (155.000.000)                      |                     |                       |                               |                                   | (155.000.000)          |
| Lợi nhuận trong năm                          |                        |                                    |                     |                       |                               | 28.722.578.427                    | 28.722.578.427         |
| Trích lập các quỹ                            |                        |                                    |                     | 9.137.695.303         | 4.568.847.651                 | (22.970.174.161)                  | (9.263.631.207)        |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh                  |                        |                                    |                     | 381.945.496           | 317.377.988                   | 1.473.859.261                     | 2.173.182.745          |
| Chia cổ tức, lợi nhuận tại Công ty con       |                        |                                    |                     |                       |                               | (2.433.600.000)                   | (2.433.600.000)        |
| Tăng, giảm khác                              |                        |                                    |                     |                       |                               | 393.283.158                       | 393.283.158            |
| Chi thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát |                        |                                    |                     |                       |                               | (920.000.000)                     | (920.000.000)          |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>                    | <b>500.000.000.000</b> | <b>1.458.992.965</b>               | <b>(43.500.000)</b> | <b>23.157.102.783</b> | <b>11.311.225.290</b>         | <b>84.210.537.091</b>             | <b>620.094.358.129</b> |

(\*) Căn cứ nghị quyết thông qua kết quả nộp tiền mua cổ phiếu của đợt phát hành và phương án chào bán tiếp số cổ phiếu chưa phân phối hết số: 28/2018/NQ-HĐQT ngày 23/06/2018, Công ty đã phát hành cổ phiếu thu bằng tiền 84.847.360.000 VND, tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần 44.968.121.200 và tăng vốn từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối 24.217.678.800 VND. Mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn: Đầu tư Dự án 69 Vũ Trọng Phụng, góp vốn thành lập Công ty cổ phần; góp vốn vào các công ty con/công ty liên kết và bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 23b. Cổ phiếu

|                                     | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |            |
|-------------------------------------|-----------------------------------|------------|
|                                     | Số cuối kỳ                        | Số đầu năm |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 50.000.000                        | 34.596.684 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 50.000.000                        | 34.596.684 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 50.000.000                        | 34.596.684 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   |                                   |            |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | (2.900)                           | (2.900)    |
| - Cổ phiếu phổ thông                | (2.900)                           | (2.900)    |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   |                                   |            |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 49.997.100                        | 34.593.784 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 49.997.100                        | 34.593.784 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   |                                   |            |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 23c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 12 tháng 05 năm 2018 và Nghị quyết thông qua kết quả nộp tiền mua cổ phiếu của đợt phát hành và phương án chào bán tiếp số cổ phiếu chưa phân phối hết ngày 23 tháng 06 năm 2018 như sau:

|  | VND              |
|--|------------------|
| • Trích quỹ khen thưởng phúc lợi               | : 9.137.695.303  |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển                  | : 9.137.695.303  |
| • Trích quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ       | 4.568.847.651    |
| • Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối         | : 24.217.678.800 |
| • Chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát | : 960.000.000    |
| • Chia cổ tức                                  | 51.890.676.000   |

### 24. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

|  | Kỳ này                | Kỳ trước              |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm   | 13.098.805.504        | 20.431.538.078        |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát       | (25.275.901)          | 1.376.434.650         |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh                          | 27.912.126.035        | 21.000.000.000        |
| Giảm do trích lập các quỹ                            | -                     | (104.842.399)         |
| Giảm do chi thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát | -                     | (49.680.000)          |
| Số cuối kỳ   | <u>40.985.655.638</u> | <u>42.653.450.329</u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

|                            | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|----------------------------|-----------------------------------|------------------------|
|                            | Năm nay                           | Năm trước              |
| Doanh thu bán hàng hóa     | 22.011.256.565                    | 75.849.293.066         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 5.401.108.063                     | 27.183.388.185         |
| Doanh thu bán bất động sản | 423.686.944.135                   |                        |
| <b>Cộng</b>                | <b>451.099.308.763</b>            | <b>103.032.681.251</b> |

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

**2. Giá vốn hàng bán**

|                             | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|-----------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                             | Năm nay                           | Năm trước             |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 21.694.963.717                    | 69.990.228.581        |
| Giá vốn dịch vụ đã cung cấp | 5.535.695.442                     | 18.339.522.046        |
| Giá vốn bán bất động sản    | 341.396.914.822                   |                       |
| <b>Cộng</b>                 | <b>368.627.573.981</b>            | <b>88.329.750.627</b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                             | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                    |
|-----------------------------|-----------------------------------|--------------------|
|                             | Năm nay                           | Năm trước          |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn      | 1.101.549.560                     | 153.404.844        |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn   | 99.397.214                        | 9.856.587          |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 679.687.500                       | 679.687.500        |
| <b>Cộng</b>                 | <b>1.880.634.274</b>              | <b>842.948.931</b> |

**4. Chi phí tài chính**

|  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|--|-----------------------------------|----------------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước            |
| Chi phí lãi vay và lãi thuê tài chính  | 13.068.581.021                    | 3.377.501.615        |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 57.200                            | (2.904.181.821)      |
| Tạm tính chi phí hợp tác kinh doanh  | 21.440.395.815                    |                      |
| Lãi chậm thanh toán tiền thuê mặt bằng   | -                                 | 499.781.624          |
| Phí bảo lãnh thuê tài sản thế chấp   | -                                 | 390.695.016          |
| Lãi phải trả quỹ bảo trì tòa nhà   | -                                 | 99.883.907           |
| <b>Cộng</b>  | <b>34.509.034.036</b>             | <b>1.463.680.341</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước            |
| Chi phí cho nhân viên            | 1.265.434.059                     | 2.008.640.055        |
| Chi phí vật liệu quản lý         | 792.912                           |                      |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 35.840.872                        | 13.621.727           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 185.343.203                       | 441.271.667          |
| Thuế, phí và lệ phí              | 16.242.338                        | 59.808.773           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 382.002.629                       | 404.110.146          |
| Phân bổ lợi thế thương mại       | 2.660.534.449                     | 1.950.000.000        |
| Các chi phí khác                 | 2.826.000                         | 2.500.000            |
| <b>Cộng</b>                      | <b>4.549.016.462</b>              | <b>4.879.952.368</b> |

**6. Thu nhập khác**

|   | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |           |
|---|-----------------------------------|-----------|
|   | Năm nay                           | Năm trước |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư | 4.000.035.002                     |           |
| Tiền phạt vi phạm hợp đồng                                    | 66.720.668                        |           |
| <b>Cộng</b>   | <b>4.066.755.670</b>              |           |

**7. Chi phí khác**

|              | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                    |
|--------------|-----------------------------------|--------------------|
|              | Năm nay                           | Năm trước          |
| Chi phí thuế | 5.861.707.652                     |                    |
| Chi phí khác | -                                 | 209.168.565        |
| <b>Cộng</b>  | <b>5.861.707.652</b>              | <b>209.168.565</b> |

**8. Lãi trên cổ phiếu****8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

|  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |               |
|--|-----------------------------------|---------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước     |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ  | 28.722.578.427                    | 7.073.217.140 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: |                                   |               |
| <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>   | -                                 | (436.623.505) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu  | 28.722.578.427                    | 6.636.593.635 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ   | 41.949.101                        | 44.956.305    |
| <b>Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu</b>  | <b>685</b>                        | <b>148</b>    |



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 8b. Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ

|   | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                   |
|---|-----------------------------------|-------------------|
|   | Năm nay                           | Năm trước         |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm                    | 34.593.784                        | 24.598.497        |
| Ảnh hưởng của việc tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần   | 4.496.812                         | 9.096.034         |
| Ảnh hưởng của việc tăng vốn từ lợi nhuận                    | 2.421.768                         | 2.421.768         |
| Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu tăng vốn              | 436.737                           | 8.840.006         |
| <b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b> | <b>41.949.101</b>                 | <b>44.956.305</b> |

### 8c. Thông tin khác

Ngày 25 tháng 6 năm 2018 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 197 VND xuống còn 148 VND.

### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước             |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 621.122.063                       | 31.048.945            |
| Chi phí nhân công                | 9.246.271.403                     | 3.220.033.372         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.550.767.139                     | 7.301.574.835         |
| Chi phí giá vốn bất động sản     | 341.396.914.822                   | -                     |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 79.357.684.365                    | 10.593.644.662        |
| Chi phí khác                     | 45.138.655.529                    | 123.172.600           |
| <b>Cộng</b>                      | <b>479.311.415.321</b>            | <b>21.269.474.414</b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt..

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|   | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                |
|---|-----------------------------------|----------------|
|   | Năm nay                           | Năm trước      |
| <i>Các thành viên Ban điều hành</i>     |                                   |                |
| Tạm ứng                                 | 205.000.000                       | 39.473.540.000 |
| Thu hồi tạm ứng                         | 240.000.000                       | 43.809.909.214 |
| <i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i> |                                   |                |
| Tạm ứng                                 |                                   | 110.267.000    |
| <i>Các thành viên Ban điều hành trị</i> |                                   |                |

### *Cam kết bảo lãnh*

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho một số khoản vay khoản vay của Công ty (xem thuyết minh số V.21a)

### *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5, V.6a, V.20a, V.20b và V.21a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

|                                    | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |               |
|------------------------------------|-----------------------------------|---------------|
|                                    | Năm nay                           | Năm trước     |
| Tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng | 1.814.180.278                     | 1.294.761.002 |

### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| <b>Bên liên quan khác</b>                                      | <b>Mối quan hệ</b>              |
|--|---------------------------------|
| Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Bất động sản Rivera Homes | Công ty liên kết                |
| Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội                              | Công ty liên kết                |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn                             | Công ty liên kết                |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang                     | Cổ đông lớn                     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy            | Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT |
| Công ty TNHH Tư vấn ĐH Xây dựng                                | Bên liên quan của HĐQT          |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc Đô thị Hà Nội - UAC           | Bên liên quan của HĐQT          |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con và các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh giao dịch với bên liên quan khác, cụ thể:

|  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |               |
|--|-----------------------------------|---------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước     |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Dịch vụ Xuân Thủy</b> |                                   |               |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                     | 624.387.272                       | 630.000.000   |
| Chi phí thuê mặt bằng, tiền điện nước                      | 1.333.023.265                     | 1.496.375.314 |
| Chi phí lãi vay  | 101.342.121                       | 1.371.472.037 |
| Phí thuê tài sản đảm bảo                                   | 67.401.000                        | 374.339.016   |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.16, V.17, V.19, V.20 và V.21a

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## **2. Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác.

### **2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh vật tư, hàng hóa
- Lĩnh vực bán bất động sản
- Lĩnh vực dịch vụ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

|   | Lĩnh vực<br>kinh doanh<br>vật tư, hàng hóa | Lĩnh vực bán bất<br>động sản | Lĩnh vực dịch vụ     | Các khoản loại trừ | Cộng                   |
|---|--|------------------------------|----------------------|--------------------|------------------------|
| <b>Kỳ này</b>   |  |                              |                      |                    |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra<br>bên ngoài                         | 22.011.256.565                             | 423.686.944.135              | 5.401.108.063        |                    | 451.099.308.763        |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp<br/>dịch vụ</b>                         | <b>22.011.256.565</b>                      | <b>423.686.944.135</b>       | <b>5.401.108.063</b> |                    | <b>451.099.308.763</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 316.292.848                                | 82.290.029.313               | (134.587.379)        |                    | 82.471.734.782         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |  |                              |                      |                    | (4.880.874.441)        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |  |                              |                      |                    | 77.590.860.341         |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |  |                              |                      |                    | 1.880.634.274          |
| Chi phí tài chính   |  |                              |                      |                    | (34.509.034.036)       |
| Thu nhập khác   |  |                              |                      |                    | 4.066.755.670          |
| Chi phí khác  |  |                              |                      |                    | (5.861.707.652)        |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh                                     |  |                              |                      |                    | (243.188.254)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |  |                              |                      |                    | (14.227.017.817)       |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |  |                              |                      |                    | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   |  |                              |                      |                    | <b>28.697.302.526</b>  |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và<br/>các tài sản dài hạn khác</b> | <b>29.680.664</b>                          | <b>571.312.677</b>           | <b>7.283.022</b>     |                    | <b>608.276.364</b>     |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước<br/>dài hạn</b>                   | <b>174.936.272</b>                         | <b>3.367.286.831</b>         | <b>42.925.750</b>    |                    | <b>3.585.148.853</b>   |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

|   | Lĩnh vực<br>kinh doanh<br>vật tư, hàng hóa | Lĩnh vực bán bất<br>động sản | Lĩnh vực dịch vụ      | Các khoản loại trừ     | Cộng                   |
|---|--|------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Kỳ trước</b>   |  |                              |                       |                        |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra<br>bên ngoài                         | 75.849.293.066                             |                              | 29.680.804.514        | (2.497.416.329)        | 103.032.681.251        |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp<br/>dịch vụ</b>                         | <b>75.849.293.066</b>                      |                              | <b>29.680.804.514</b> | <b>(2.497.416.329)</b> | <b>103.032.681.251</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 5.859.064.485                              |                              | 8.843.866.139         |                        | 14.702.930.624         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |  |                              |                       |                        | (4.879.952.368)        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |  |                              |                       |                        | 9.822.978.256          |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |  |                              |                       |                        | 842.948.931            |
| Chi phí tài chính   |  |                              |                       |                        | (1.463.680.341)        |
| Thu nhập khác   |  |                              |                       |                        |                        |
| Chi phí khác  |  |                              |                       |                        | (209.168.565)          |
| Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh                                     |  |                              |                       |                        | (6.113.293)            |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |  |                              |                       |                        | (1.057.414.879)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   |  |                              |                       |                        | 520.101.681            |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   |  |                              |                       |                        | <b>8.449.651.790</b>   |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và<br/>các tài sản dài hạn khác</b> | <b>3.199.051.659</b>                       |                              | <b>19.094.557.357</b> |                        | <b>22.293.609.016</b>  |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước<br/>dài hạn</b>                   | <b>6.206.174.543</b>                       |                              | <b>2.966.765.854</b>  |                        | <b>9.172.940.397</b>   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

|  | <b>Lĩnh vực kinh doanh</b> |                                  |                         | <b>Cộng</b>              |
|--|----------------------------|----------------------------------|-------------------------|--------------------------|
|  | <b>xây dựng, hàng hóa</b>  | <b>Lĩnh vực bán bất động sản</b> | <b>Lĩnh vực dịch vụ</b> |                          |
| <b>Số cuối kỳ</b>                      |                            |                                  |                         |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 158.328.034.676            | 1.791.396.988.976                | 12.547.284.981          | 1.962.272.308.633        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            |                            |                                  |                         | -                        |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                            |                                  |                         | 677.399.248.000          |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                            |                                  |                         | <b>2.639.671.556.633</b> |
| <b>Số đầu năm</b>                      |                            |                                  |                         |                          |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 277.313.758.119            | 1.396.249.691.176                | 29.336.186.254          | 1.702.899.635.549        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            |                            |                                  |                         | -                        |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận |                            |                                  |                         | 531.694.131.500          |
| <b>Tổng tài sản</b>                    |                            |                                  |                         | <b>2.234.593.767.049</b> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 33.042.325.045             | 1.744.524.740.621                | 3.980.598.006           | 1.781.547.663.672        |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        |                            |                                  |                         | -                        |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                            |                                  |                         | 197.043.879.194          |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                            |                                  |                         | <b>1.978.591.542.866</b> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | 94.964.697.444             | 1.164.812.654.484                | 25.860.717              | 1.259.803.212.645        |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        |                            |                                  |                         | -                        |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận |                            |                                  |                         | 444.961.563.894          |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                |                            |                                  |                         | <b>1.704.764.776.539</b> |

**2b. Thông tin về khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo Nghị quyết HĐQT số 30/2018/NQ-HĐQT ngày 04/07/2018, Công ty mẹ chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ chi trả 10%/Mệnh giá cổ phiếu, hình thức chi trả bằng tiền mặt, từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Tổng số chi trả 49.997.100.000 VND.

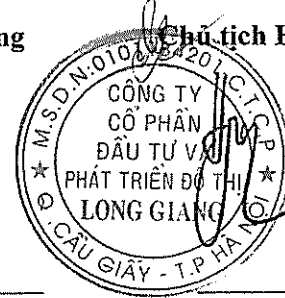
Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Đặng Thị Loan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Sinh



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Hà Giang